

Số: 4083 /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng mô hình “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình 677), Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình theo 2 giai đoạn: 2021-2025 và 2026-2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hình thành phong trào tự học, học tập suốt đời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực tại chỗ thông qua thực hiện mô hình “Công dân học tập”; động viên, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập thường xuyên, học suốt đời, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công xã hội học tập theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022.

2. Yêu cầu

- Xác định nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp cụ thể, tiến độ thực hiện, bảo đảm triển khai thực hiện đầy đủ, sáng tạo các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phân công trách nhiệm thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các đơn vị trong triển khai nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện mô hình Công dân học tập nhằm thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển của cộng đồng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung nâng cao chất lượng mô hình công dân học tập thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện Chương trình;

tăng cường năng lực kỹ thuật số cho người lao động, hình thành những “Công dân số” đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình; thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc thực hiện Chương trình; tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền về nội dung của Chương trình, về bộ tiêu chí công dân học tập đến các cấp Hội Khuyến học, hội viên và trong Nhân dân trong tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của học tập suốt đời, giúp mọi người hiểu rõ giá trị của những phẩm chất, năng lực cốt lõi trong bộ tiêu chí đánh giá “Công dân học tập”, qua đó hình thành phong trào học tập, tự học tập nâng cao năng lực bản thân, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, đoàn thể trung ương và chỉ đạo các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố tại địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình:

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng kế hoạch hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện mô hình công dân học tập; tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” tại địa phương;

b) Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí trung ương, địa phương, nòng cốt là Tạp chí Công dân và Khuyến học, website của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, và chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình,... trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên phát động cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập vào tiêu chí công nhận “Gia đình văn hóa”, góp phần thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” giai đoạn 2021-2025.

4. Triển khai Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học tập phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng lao động theo quy định tại Chương trình 677.

5. Triển khai phần mềm của Hội Khuyến học Việt Nam nhằm số hóa và thực hiện trên nền tảng công nghệ số việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình Công dân học tập. Tổ chức tập huấn để các cấp Hội Khuyến học địa phương thống nhất cách làm, đảm bảo kết quả chính xác, công bằng trong thực hiện.

6. Trên cơ sở Kế hoạch này, UBND các huyện, thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 677; xây dựng kế hoạch tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để cấp kinh phí thực hiện Chương trình theo phân cấp quản

lý; đồng thời, huy động thêm các nguồn tài chính hợp pháp khác nhằm triển khai hiệu quả Chương trình 677.

7. Hội Khuyến học tỉnh và các cấp Hội Khuyến học trong tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình theo kế hoạch đã ban hành. Đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm và cả giai đoạn.

8. Hằng năm, tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận mô hình “Công dân học tập” theo các tiêu chí đã ban hành. Các địa phương tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Chương trình vào Quý I năm 2026 kết hợp với Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu giai đoạn 2021-2025. Hội nghị sơ kết 5 năm kết hợp với Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc được tiến hành vào Quý III năm 2026.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

A. GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Các mục tiêu chủ yếu

Căn cứ vào các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đã được giao trong Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định mức độ cần đạt của các chỉ số qua các năm 2022, 2023, 2024 và 2025; phấn đấu đến hết năm 2025, toàn bộ các chỉ tiêu về Công dân học tập được hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo Quyết định 677/QĐ-TTg như sau:

| Nội dung Năm | Tập huấn, quán triệt tiêu chí CDHT | Tỷ lệ trong GD, DH, CD học tập | Tỷ lệ trong đơn vị học tập | Tỷ lệ công dân đạt kỹ năng số |
|-----------------|---|--------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 2022 | 70% | 25% | 45% | 40% |
| 2023 | 80% | 30% | 50% | 50% |
| 2024 | 90% | 35% | 55% | 60% |
| 2025 | 100% | 40% | 60% | 70% |

2. Kế hoạch triển khai

| Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình 677 (Giai đoạn 2022 - 2025) | |
|--|--|
| Thời gian | Nội dung công việc |
| Quý III /2022 | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các Hội địa phương triển khai thực hiện Chương trình; Góp ý Quy định Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học |

| Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình 677 (Giai đoạn 2022 - 2025) | |
|---|--|
| Thời gian | Nội dung công việc |
| | <ul style="list-style-type: none"> tập (nếu có); • Góp ý <i>Phần mềm</i> (do Hội KHVN xây dựng, nếu có) để số hóa quy trình triển khai thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm, công nhận mô hình công dân học tập; • Hội Khuyến học các cấp xây dựng Kế hoạch phù hợp với tình hình; chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai Chương trình; tổ chức phát động phong trào và đăng ký thi đua phần đầu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Chương trình. |
| Quý IV /2022 - 12/2023 | <ul style="list-style-type: none"> • Hội Khuyến học các cấp trong tỉnh triển khai đại trà việc thực hiện Bộ tiêu chí. Hội Khuyến học tỉnh kiểm tra cơ sở để tiếp thu ý kiến góp ý, đề xuất chỉnh sửa, báo cáo Trung ương Hội; • Tham gia tập huấn về sử dụng <i>Phần mềm đánh giá</i> tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập; • Sơ kết giữa kỳ triển khai thực hiện mô hình tại từng địa phương. |
| 2024-2025 | <ul style="list-style-type: none"> • Tham dự Hội nghị/hội thảo giữa kỳ, đánh giá về kết quả triển khai các Bộ tiêu chí tại các địa phương, trong một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... để có kế hoạch điều chỉnh, hướng dẫn kịp thời về quy mô, quy trình tổ chức thực hiện. (Quý I/2024) • Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình; Hội Khuyến học địa phương tổ chức kiểm tra định kỳ, thúc đẩy nâng cao chất lượng mô hình CDHT; • Thực hiện chỉ đạo, kiểm tra việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập thông qua việc sử dụng <i>Phần mềm</i> đã hoàn chỉnh; • Định kỳ, các Hội địa phương tổ chức Hội nghị/Hội thảo về vấn đề xây dựng và thực hiện các mô hình học tập theo chủ đề tự chọn, nội dung phù hợp với từng địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm; • Tham gia Hội thảo của Hội KHVN về thực hiện các mô hình học tập, học tập suốt đời... theo những chủ đề cụ thể. |
| 3-6/2026 | <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện Chương trình 677; Tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu; • Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025; • Báo cáo Trung ương Hội KHVN công nhận các danh hiệu trong phạm vi toàn quốc. |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Tham gia Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm triển khai thực |

| Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình 677 (Giai đoạn 2022 - 2025) | |
|---|--|
| Thời gian | Nội dung công việc |
| Quý III/2026 | <p>hiện mô hình công dân học tập;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức <i>Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ II</i> (gồm đủ 5 mô hình: công dân học tập, gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập trên địa bàn hành chính cấp xã). • Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2026-2030 (phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước). |

B. GIAI ĐOẠN 2026-2030 (Sẽ có kế hoạch cụ thể sau)

1. Ủy ban nhân dân và Hội Khuyến học các cấp trong tỉnh tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 677 theo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao giai đoạn 2026-2030.

2. Góp ý bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện Bộ tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập (phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước) để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

3. Tổ chức Hội nghị, Hội thảo về xây dựng các mô hình học tập, về xã hội học tập trong giai đoạn mới: “Giáo dục vì sự phát triển bền vững”.

4. Quý II/2030, tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030”; Báo cáo tổng hợp kết quả về Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam trước tháng 8/2030.

5. Quý IV/2030, tham gia Hội nghị tổng kết Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030”; kết hợp tổ chức *Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ III*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Khuyến học tỉnh Ninh Thuận

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội để triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn Hội Khuyến học các cấp triển khai tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương;

b) Tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Bộ tiêu chí theo hướng nâng cao chất lượng mô hình “công dân học tập”;

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá tác động và hiệu quả triển khai Chương trình của các địa phương; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng hợp, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030 và phong trào thực hiện “Công dân học tập”.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy

Định hướng tuyên truyền, động viên triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, nhất là việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên tham gia mô hình “Công dân học tập”.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao để xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình 677 để tổ chức triển khai thực hiện. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan thường trực Hội Khuyến học tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Bố trí ngân sách để thực hiện mục tiêu của Chương trình tại địa phương; chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với Hội khuyến học cùng cấp triển khai có hiệu quả Chương trình trên địa bàn;

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tin - truyền thông của địa phương tổ chức tuyên truyền về xã hội học tập, học tập suốt đời, về giáo dục người lớn và về các mô hình học tập trong Chương trình 677;

c) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Hội Khuyến học cùng cấp kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai các mô hình học tập và ra quyết định công nhận các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” và mô hình “Công dân học tập”.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội có liên quan

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng các mô hình học tập vào tiêu chí công nhận “Nông thôn mới”, “đô thị văn minh”, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác;

b) Đề nghị các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội có liên quan phối hợp với Hội khuyến học tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập cũng như mô hình “Công dân học tập”.

6. Hội Khuyến học các huyện, thành phố và Hội Khuyến học cơ sở

- Tham mưu UBND huyện, thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương.

- Tham gia tập huấn và tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội Khuyến học theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa Thông tin, các phòng ban, hội, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, đánh giá, tham mưu cho UBND cùng cấp công nhận kết quả; tổ chức Hội nghị biểu dương các công dân đạt kết quả xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030”. Đề nghị các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ quy định; định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội Khuyến học tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hội Khuyến học Việt Nam (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH, TCDNC, HCQT;
- Lưu VT. VXVN. NAM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên



Phụ lục

(Bản kèm theo Kế hoạch số 4083 /KH-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. BỘ TIÊU CHÍ KHUNG VÀ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

| Tiêu chí khung | Chỉ số đánh giá (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn) | Điểm |
|---|---|------------|
| I. <i>Năng lực tự học, học tập suốt đời</i> | 1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân. | 10 |
| | 2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định. | 10 |
| | 3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị. | 10 |
| | 4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên. | 10 |
| II. <i>Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</i> | 5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống. | 10 |
| | 6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận. | 10 |
| | 7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội. | 10 |
| | 8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội. | 10 |
| III. <i>Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</i> | 9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật. | 10 |
| | 10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| | Tổng điểm tối đa | 100 |

II. Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng cho các nhóm đối tượng người lao động thuộc 3 khu vực:

Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

| Tiêu chí (Năng lực cốt lõi) | Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn) | Điểm |
|---|---|------------|
| I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời | 1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động... | 10 |
| | 2. Biết xây dựng kế hoạch học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn. | 10 |
| | 3. Xây dựng và sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã. | 10 |
| | 4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên. | 10 |
| II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc | 5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử). | 10 |
| | 6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống. | 10 |
| | 7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình. | 10 |
| | 8. Biết tính toán, suy nghĩ, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện. | 10 |
| III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội | 9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. | 10 |
| | 10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| Tổng cộng | | 100 |

Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập
(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng)

| Tiêu chí (Năng lực cốt lõi) | Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn) | Điểm |
|---|---|-------------|
| I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời | 1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động. | 10 |
| | 2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của công đoàn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học.... | 10 |
| | 3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng. | 10 |
| | 4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn. | 10 |
| II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc | 5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề. | 10 |
| | 6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật.... | 10 |
| | 7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, nâng cao định mức lao động, tiến bộ về tay nghề. | 10 |
| | 8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu. | 10 |
| III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội | 9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội. | 10 |
| | 10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ đồng nghiệp gặp khó, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| Tổng cộng | | 100 |

Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập
(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp...)

| Tiêu chí (Năng lực cốt lõi) | Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn) | Điểm |
|---|---|-------------|
| I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời | 1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh. | 10 |
| | 2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định. | 10 |
| | 3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình. | 10 |
| | 4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên. | 10 |
| II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc | 5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến. | 10 |
| | 6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm, ứng xử có văn hóa với người khác, tôn trọng nhân cách con người, thể hiện đạo đức công dân khi giao lưu trên mạng. | 10 |
| | 7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, cải tiến kỹ thuật, công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... | 10 |
| | 8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Bảo vệ quyền lợi quốc gia và giữ an ninh mạng | 10 |
| III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội | 9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. | 10 |
| | 10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| Tổng cộng | | 100 |

III. Quy trình thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm:

- Những người tự nguyện tham gia xây dựng mô hình công dân học tập (CDHT) sẽ đăng ký theo mẫu (mục IV, phụ lục);

- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm; Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm tự đánh giá theo mẫu, gửi hồ sơ cho Ban/Chi hội khuyến học của đơn vị/địa phương để được xem xét, tập hợp và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã;

- Hàng năm, Hội Khuyến học cấp xã tổng hợp hồ sơ, trình UBND cùng cấp xem xét, công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”.

IV. Mẫu đăng ký phần đầu trở thành “Công dân học tập”:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”

| TT | Họ và tên Điện thoại | Ngày sinh | | Dân tộc | Đơn vị | Địa chỉ | Giai đoạn |
|-----|-------------------------|-----------|-------|---------|--------|---------|-----------|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| ... | | | | | | | |

Tôi tự nguyện phần đầu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.

....., ngày tháng năm 202...

Ký tên

V. Mẫu kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm CDHT (gửi kèm theo).

Hội Khuyến học các địa phương căn cứ vào mẫu này để xây dựng chi tiết **Bản tự kê khai** cho các cá nhân sử dụng phù hợp với từng nhóm đối tượng người lao động và đặc điểm của địa phương.